

Số: 2678/QĐ-UBND

Thường Xuân, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ Tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD, ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 Về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Thường Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 9725/SXD-QH ngày 28/12/2022 của Sở Xây dựng ý kiến về hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Dương và xã Thọ Thanh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 245/TĐ-KTHT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày

14/11/2022 (kèm theo hồ sơ) của UBND xã Thọ Thanh về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. *Tên đồ án:* Quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b. *Quy mô, phạm vi và ranh giới lập quy hoạch*

* *Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch*

Xã Thọ Thanh thuộc vùng trung tâm của huyện Thường Xuân có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân
- Phía Tây giáp thị trấn Thường Xuân, xã Ngọc Phụng
- Phía Nam giáp xã Thọ Thanh - huyện Thường Xuân
- Phía Bắc giáp huyện Ngọc Lặc (Sông Âm)

* *Quy mô:*

- Tổng dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 5.717 người (số liệu thống kê của xã đến thời điểm lập QH);

- Phạm vi lập quy hoạch trên địa bàn toàn xã diện tích: 734,3 ha.

2. Mục tiêu, Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

a. *Mục tiêu:* Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Thường Xuân phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Thường Xuân. Gắn với việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b. *Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:*

Là đơn vị hành chính cấp xã nằm trong vùng trung tâm của huyện Thường Xuân; Là vùng phát triển đa ngành, trong đó trọng tâm là Nông nghiệp CNC, thương mại dịch vụ, du lịch, công nghiệp.

* Kinh tế chủ đạo của xã: Nông nghiệp CNC, Thương mại dịch vụ, du

lịch,
công nghiệp.

4.2. Tiềm năng và động lực

- Thọ Thanh thuộc vùng trung tâm của huyện Thường Xuân, là vùng phát triển đa ngành trong đó trọng tâm là phát triển Nông nghiệp CNC, thương mại dịch vụ, công nghiệp. Theo định hướng Quy hoạch vùng huyện QL47 cải dịch sẽ đi qua địa bàn xã kết nối cảng hàng không Thọ Xuân, Đô thị Lam Sơn sao vàng, các huyện đồng bằng, thành phố, các khu công nghiệp của tỉnh và đặc biệt kết nối với nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Khèo xã Bát Mọt, giúp cho việc giao lưu phát triển kinh tế với các địa phương khác trong huyện cũng như các huyện lân cận.

- Quỹ đất xây dựng dồi dào lại gần trung tâm huyện, giao thông thuận tiện đã và đang trở thành khu vực năng động của huyện Thường Xuân. Cơ hội để Thọ Thanh trở thành một xã có kinh tế phát triển mạnh mẽ trong tương lai với nông cốt là Nông nghiệp CNC, công nghiệp, TTCN, DVTM. .

Trên đây là những nguồn động lực rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã Thọ Thanh. Kinh tế chủ đạo: Thương mại dịch vụ, du lịch, công nghiệp và nông nghiệp Công nghệ cao.

4. Dự báo phát triển xã:

4.1 Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch 10 năm và phân kỳ quy hoạch 5 năm;

Hiện trạng xã Thọ Thanh có 1.475 hộ; 5.908 người, 2.950 lao động. Dự báo đến năm 2025, Lao động thuộc các khu vực:

- Lao động khối cơ quan sự nghiệp: 120 người (1)
- Lao động TTCN, xây dựng: 650 người (2)
- Lao động khối thương mại - dịch vụ - du lịch: 800 người (2)
- Lao động ngành nông, lâm nghiệp: 1.700 người (3)
- * Tổng lao động (1) + (2) + (3) = 3.270 người

Dự báo đến năm 2030, Lao động thuộc các khu vực:

- Lao động khối cơ quan sự nghiệp: 120 người (1)
- Lao động TTCN, xây dựng: 980 người (2)
- Lao động khối thương mại - dịch vụ - du lịch: 1.200 người (3)
- Lao động ngành nông, lâm nghiệp: 1.500 người (4)
- * Tổng lao động (1) + (2) + (3) = 3.800 người

Lao động đã qua đào tạo 2.280 người, đạt khoảng 60%.

*** Dân số dự báo:**

Dân số hiện trạng: 5.908 người (*theo số liệu thống kê tháng 7/2022 của chi cục thống kê huyện Thường Xuân*)

Tỷ lệ tăng tự nhiên + tăng cơ học hàng năm 1,5%

+ Đến năm 2025: Khoảng 6.550 người;

+ Đến năm 2030: Khoảng 7.450 người.

+ Dân số phát triển mới: 2.103 người;

4.2 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật . (*đã được phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 29/10/2021*)

a. Các chỉ tiêu về đất đai

- Đất ở : $25\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất công trình công cộng và dịch vụ : $5\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất cây xanh công cộng: $2\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật : $5\text{m}^2/\text{người}$.
- Trạm Y tế ≥ 1 trạm/ 5.000người; (*Quy mô diện tích đất cho công trình từ 500m^2 - 2.000m^2*);
- Sân luyện tập $\geq 0,5\text{m}^2/\text{người}$;
- Chợ hoặc siêu thị ≥ 01 công trình; (*Quy mô diện tích đất cho chợ hạng 3 từ 2.000m^2 - 3.000m^2*);

b. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Tiêu chuẩn dùng điện: 150 w/ người và 100% số hộ dân dùng điện.
- Tiêu chuẩn dùng nước: 60-80l/ngày đêm và 100% hộ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh.
- Nước cấp cho sản xuất TTCN tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượn nước cấp cho sinh hoạt;
- Thu gom xử lý nước thải: $\geq 80\%$.
- Thu gom xử lý chất thải: 80 %.

***. Dự báo quy mô đất xây dựng xã đến 2030**

Dự báo quy mô đất xây dựng toàn xã đến năm 2030: khoảng 243ha, chiếm 24%;

5. Định hướng phát triển không gian tổng thể xã

5.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.

a. Vị trí, quy mô:

Khu vực trung tâm xã được quy hoạch ổn định tại vị trí Thôn 1 như hiện nay được cải tạo, bổ sung các khu chức năng định hướng cụ thể như sau:

- Khu Công sở xã, nhà văn hóa đa năng: Diện tích khu đất 0,47 ha. Vị trí ổn định nhưng cần được cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu làm việc, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước trên địa bàn xã.

- Quy hoạch Khu trung tâm Văn hóa – thể thao: Diện tích khu đất 1,50 ha . Vị trí quy hoạch mới khu đất trên trục đường trung tâm đi hồ công viên Hồng Kỳ gần với các trường học gồm các hạng mục sân vận động, nhà thi đấu đa năng và khu vui chơi giải trí...

Đối với khu văn hóa thể thao của các thôn:

Sân bóng đá xã chuyển thành sân thể thao khu vực của thôn 1, các khu VHTT khác ổn định vị trí và được cải tạo chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thôn. Tùy theo điều kiện đất đai, khu trung tâm văn hóa thể thao thôn diện tích đất khoảng 0,5ha .

- Đài Tưởng niệm: Diện tích khu đất 0,06ha . Vị trí ổn định được chỉnh trang tu bổ thường xuyên đảm bảo tính nghiêm trang mỹ quan.

- Trạm y tế xã: Diện tích khu đất 0,18ha. Ổn định vị trí và được cải tạo chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo phục vụ theo yêu cầu trong giai đoạn tới.

- Khu Quân sự và Công an xã:

- + Khu Công an xã: Diện tích khu đất 0,25 ha. Vị trí giáp khu Văn hóa – thể thao trên đường trung tâm.

- + Khu Quân Sự xã: Diện tích khu đất 0,25 ha. Vị trí đối diện khu công an xã, trên đường trung tâm.

- Hệ thống các trường học: Tổng diện tích đất Giáo dục 2,95ha

- + Các trường học Mầm non, Tiểu học và THCS ổn định vị trí hiện nay nhưng đều phải được cải tạo mở rộng, chỉnh trang, nâng cấp hướng tới đạt chuẩn giai đoạn 2 theo quy định của ngành.

- + Tóm lại các công trình công cộng, trụ sở cơ quan xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và hết sức tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn

viên...và chấp hành chỉ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định trong khu vực.

+ Các công trình xây dựng phải đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao và NTM kiểu mẫu sau này.

b. Định hướng Kiến trúc:

- Định hướng Kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ: Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư.

- Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, công sở xã, khu TDTT,... không những phải thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao mà cũng phải thể hiện kiến trúc đậm đà sắc thái tiêu biểu của địa phương.

5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn cũ.

a. Các chỉ tiêu:

Tổng diện tích đất ở tại nông thôn là: 116,71ha, trong đó:

- Đất ở hiện trạng là 103,48 ha;

+ Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: Diện tích khoảng: 13,23ha. Quy hoạch các khu dân cư mới phục vụ tái định cư và đáp ứng cho nhu cầu phát triển dịch vụ, công nghiệp.

b. Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở

- Hình thức kiến trúc các công trình xây dựng nhà ở phải hài hòa với tổng thể không gian chung toàn khu, chú ý khai thác yếu tố kiến trúc mang sắc thái địa phương; Khuyến khích thiết kế hài hoà với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu.

- Hàng rào công trình: Cao tối đa không quá 1.5m, không xây kín, yêu cầu thiết kế thoáng, khuyến khích sử dụng cây xanh để làm hàng rào.

Vật liệu xây dựng của các công trình: Phù hợp với công năng sử dụng, khuyến khích sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, vật liệu trang trí bề mặt công trình phải hài hòa với tổng thể không gian chung;

5.3. Quy hoạch không gian du lịch sinh thái và tín ngưỡng.

5.3.1 Khu du lịch sinh thái Thanh Tam

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

Khu công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam: Quy mô diện tích khoảng 57,2ha. Vị trí là khu Bãi Đoàn, xã Thọ Thanh.

Việc quy hoạch Khu công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam - Bãi Đoàn, xã Thọ Thanh tạo dựng không gian du lịch sinh thái là điểm đến du lịch, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

5.3.2 Công viên sinh thái Hồng Kỳ: Quy mô diện tích khoảng 12,5ha.

Hồ Hồng Kỳ có mặt nước khoảng 6,0ha tương đối ổn định bên cạnh có công trình Đình cổ Làng Hồ cùng với cảnh quan xung quanh, khu trung tâm xã, công trình văn hóa thể thao ... được cải tạo xây dựng thành quần thể cảnh quan hồ công viên phục vụ vui chơi giải trí cho nhân dân trong xã và khu vực lân cận.

5.4. Tổ chức các khu vực sản xuất:

- Phát huy lợi thế và tiềm năng, gần Quốc lộ 47 thông thương với các huyện đồng bằng, phát triển hạ tầng thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất TTCN, làng nghề phát triển giao thương, hoạt động dịch vụ thương mại;

a. Phát triển dịch vụ thương mại:

- Quy hoạch ổn định chợ xã : Diện tích khu đất 0,34 ha. Xây dựng đạt chuẩn chợ hạng 3.

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế Nông nghiệp - Nông thôn : Quy mô 0,20ha. Vị trí tiếp giáp khu quân sự xã trên đường trung tâm.

- Quy hoạch trạm xăng dầu : Quy mô 0,10 ha. Vị trí tại Thôn 3 gần trục đường trung tâm xã đi khu du lịch Thanh Tam.

b. Sản xuất CN-TTCN: Tổng DT đất CN-TTCN: 20ha.

Trên cơ sở cụm công nghiệp (thuộc Thị trấn Thường Xuân) hiện có được cải tạo, chỉnh trang phù hợp với quy hoạch thị trấn đã được phê duyệt gắn với hạ tầng kỹ thuật, bổ sung mới, mở rộng:

- Cụm công nghiệp thị trấn Thường Xuân thuộc thôn Thanh Long Thọ Thanh: Quy mô khoảng 10 ha (quy hoạch thị trấn)

- Quy hoạch mới khu SXKD – làng nghề: Diện tích 10 ha. Vị trí tại thôn Thanh Long và thôn 2

- Quy hoạch mỏ đất (đất san lấp): Diện tích 15,0ha. Vị trí tại thôn Thanh Cao xã Thọ Thanh có trữ lượng khoảng 772.417m³ (Theo Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa v/v điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được phê duyệt trước ngày 01/01/2020.)

- Ngoài ra tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm (thôn Thanh Cao), đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

c. Phát triển nông nghiệp:

- Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất Nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; Phát triển chăn nuôi đại gia súc trong nhân dân, khuyến khích phát triển trang trại, gia trại quy mô vừa và nhỏ, Tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi thả cá.

- Quản lý dự án trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi ECO sử dụng hiệu quả đất đai và bảo vệ môi trường an toàn. là 22,7ha.

- Từ nay đến 2030 Quy hoạch 3 khu Nông nghiệp công nghệ cao tổng diện tích 180ha.

5.5. Các khu vực có khả năng phát triển.

- Các khu đất cao, không bị ngập lụt, các khu vực đất xen kẹp hiện có trong các khu dân cư hiện trạng. Đặc biệt khu vực trung tâm xã và dọc 2 bên đường, nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất. Các khu vực đất trồng màu, đất lúa 1 vụ năng suất thấp, bắp bênh.

5.6. Các khu vực hạn chế phát triển; Các khu vực cấm xây dựng; khu đặc thù;

- Gồm các khu vực thuộc đất quân sự, hành lang mở rộng các tuyến giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Hạn chế tối thiểu việc phát triển, xây dựng các công trình trên đất lúa 2 vụ.

- Đối với các khu vực này, tất cả các công trình dự kiến đầu tư xây dựng đều phải lập hồ sơ xin phép các cấp chính quyền theo quy định của Pháp luật.

5.7. Các các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng.

- Bãi rác – chất thải rắn: Quy mô khoảng 2ha. Vị trí bãi rác trung chuyển tại khu vực thôn 3. Rác thải trên địa bàn vận chuyển về khu xử lý theo quy hoạch của huyện.

- Nghĩa trang: Tổng diện tích đất nghĩa trang : 4,07ha.

+ Giai đoạn 2021-2025 ổn định các vị trí nghĩa trang hiện có tại các thôn trong xã. Các nghĩa trang được trồng cây xanh cách li và khoảng cách đến các khu dân cư tối thiểu 500m. Khuyến khích thực hiện hình thức hỏa táng. Đóng các nghĩa trang nhỏ lẻ còn lại, cải tạo trồng cây xanh, bảo đảm vệ sinh môi trường khu vực.

+ Giai đoạn 2026 -2030 quy hoạch 01 nghĩa trang chung toàn xã trên cơ sở mở rộng khu nghĩa trang tại Thôn 3.

6. Quy hoạch sử dụng đất - phân khu chức năng

6.1. Hệ thống trung tâm xã;

Khu vực trung tâm xã được quy hoạch ổn định tại vị trí Thôn 1 như hiện nay được cải tạo, bổ sung các khu chức năng định hướng cụ thể như sau:

- Khu Công sở xã, nhà văn hóa đa năng: Diện tích khu đất 0,47 ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1- 3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

- Khu trung tâm Văn hóa – thể thao: Diện tích khu đất 1,50 ha . Vị trí quy hoạch mới khu đất trên trục đường trung tâm đi hồ công viên Hồng Kỳ gần với các trường học gồm các hạng mục sân vận động, nhà thi đấu đa năng, khu vui chơi giải trí... Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1-2tầng; Hệ số sử dụng đất 0,3 lần.

- Đối với khu văn hóa thể thao của các thôn: Ổn định vị trí và được cải tạo chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thôn. Tùy theo điều kiện đất đai, khu trung tâm văn hóa thể thao thôn diện tích đất khoảng 0,5ha. Mật độ xây dựng tối đa cho khu nhà văn hóa 40%; Tầng cao từ 1- 2tầng; Hệ số sử dụng đất 0,8 lần.

- Quy hoạch xây dựng Công viên sinh thái Hồng Kỳ: Quy mô diện tích khoảng 13,5ha. Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1- 2tầng; Hệ số sử dụng đất 0,3 lần.

- Đài Tưởng niệm: vị trí giáp công sở xã giữ nguyên vị trí. Hàng năm phải được chăm sóc tu bổ thường xuyên đảm bảo tính nghiêm trang mỹ quan. Diện tích khu đất 0,06ha.

- Trạm y tế xã: Diện tích khu đất 0,18 ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

- Khu Quân sự và Công an xã:

+ Khu Công an xã: Diện tích khu đất 0,25ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần. Vị trí giáp khu Văn hóa – thể thao trên đường trung tâm.

+ Khu Quân Sự xã: Diện tích khu đất 0,25ha . Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần. Vị trí đối diện khu công an xã, trên đường trung tâm.

- Hệ thống các trường học: Tổng diện tích đất Giáo dục khoảng 2,9 ha.

Trong đó:

+ Trường Mầm non: 0,5 ha.

+ Trường Tiểu học: 1,20 ha.

+ Trường THCS: 1,20 ha.

+ Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1- 3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

+ Các trường học Mầm non, Tiểu học, THCS đều phải được cải tạo mở rộng, chỉnh trang, nâng cấp hướng tới đạt chuẩn giai đoạn 2 theo quy định của ngành.

+ Các công trình công cộng, trụ sở cơ quan xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và hết sức tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn viên...và chấp hành chỉ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định trong khu vực.

+ Các công trình xây dựng phải đạt chuẩn NTM nâng cao trước năm 2025, và NTM kiểu mẫu trước năm 2030.

6.2. Hệ thống thôn, các khu dân cư tập trung;

Đến năm 2025, ổn định cơ cấu xã Thọ Thanh với 7 thôn như hiện nay. Tổng diện tích đất ở tại nông thôn là: 116,71ha, trong đó:

- Đất ở hiện trạng là 103,48 ha;

+ Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát

triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh..... được bố trí trái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: quy hoạch các khu dân cư mới phục vụ tái định cư và đáp ứng cho nhu cầu phát triển dịch vụ, công nghiệp. Diện tích khoảng: 13,23ha. Mật độ xây dựng tối đa 80%; Tầng cao từ 2-5 tầng; Hệ số sử dụng đất 4,0 lần.

- Ngoài ra những vị trí đất nông nghiệp xen kẽ trong các khu dân cư quy mô nhỏ canh tác không hiệu quả cũng có thể chuyển thành đất xen cư.

6.3. Quy hoạch không gian du lịch sinh thái.

6.3.1 Khu du lịch sinh thái Thanh Tam

- Khu công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam - Bãi Đoàn, xã Thọ Thanh. Quy mô diện tích khoảng 57,2ha. Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1-2 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,3 lần.

6.3.2 Công viên sinh thái Hồng Kỳ: Quy mô diện tích khoảng 12.5ha. Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1-2 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,3 lần.

6.4. Tổ chức các khu vực sản xuất:

a. Phát triển dịch vụ thương mại:

- Quy hoạch xây dựng chợ Thọ Thanh đạt chuẩn chợ hạng 3. Diện tích khu đất 0,34 ha. Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

- Quy hoạch trạm xăng dầu tại Thôn 3. Quy mô 0,10 ha. Mật độ xây dựng tối đa 20% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,6 lần.

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại Thôn 1. Quy mô 0.20 ha. Mật độ xây dựng tối đa 40% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

b. Sản xuất CN-TTCN: Tổng DT đất CN-TTCN, SXKD: 20.0ha.

Trên cơ sở các khu sản xuất kinh doanh hiện có được cải tạo, chỉnh trang phù hợp với hạ tầng kỹ thuật:

- Cụm công nghiệp thị trấn Thường Xuân thuộc thôn Thanh Long Thọ Thanh. Quy mô 10,0ha. Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

- Quy hoạch mới khu SXKD – làng nghề tại thôn Thanh Long và thôn 2. Quy mô 10ha. Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8lần.

- Quy hoạch mở đất (đất san lấp) xã Thọ Thanh có trữ lượng khoảng 772.417m³. Diện tích 15,0ha.

- Mở đất được quy định quản lý riêng.

c. Phát triển nông nghiệp:

- Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất Nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi thả cá lồng.

- Từ nay đến 2030 Quy hoạch 3 khu Nông nghiệp công nghệ cao là 180ha.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Thông tư số: 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn)

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch	
1	2	3	4	5
*	Tổng diện tích đất QH	958,03	958,03	
1	Đất nông nghiệp	662,24	552,60	
1.1	Đất trồng lúa	91,95	87,50	Là đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng lúa nương, (Giảm 4,45 ha do chuyển sang đất ở, đất quân sự, đất VH-TT, đất mở rộng hành lang giao thông... theo quy hoạch.)
1.2	Đất trồng trọt khác	425,84	345,86	Là Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm khác, đất bằng trồng cây hằng năm khác, đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác. (Giảm 79,98 ha do chuyển sang đất ở, đất du lịch sinh thái, đất SXKD đất mở rộng hành lang giao thông, HTKT... theo quy hoạch)
1.3	Đất rừng phòng hộ			Đất rừng phòng hộ
1.4	Đất rừng sản xuất	113,68	97,18	Đất rừng sản xuất (Giảm 16,5 ha do chuyển sang đất SXKD đất mở rộng hành lang giao thông, HTKT... theo quy định.)

1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	6,73	0	Nuôi trồng thủy sản (Giảm 6,73 Chuyển sang đất công viên, SXKD)
1.6	Đất nông nghiệp khác	24,22	22,22	
2	Đất xây dựng	175,08	286,72	
2.1	Đất ở	103,48	117,36	Đất ở tại nông thôn (Tăng 13,88 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.2	Đất công cộng	3,92	4,90	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (chỉ tính đất các công trình phục vụ cấp xã); đất xây dựng cơ sở văn hóa (không bao gồm các công trình kinh doanh văn hóa) đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện – văn hóa xã (Tăng 0,98 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao, công viên	2,39	16,35	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (chỉ tính đất xây dựng các công trình phục vụ cấp xã); đất vui chơi, giải trí công cộng (trừ bãi tắm) (Tăng 13,96 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.4			57,20	Đất Du lịch sinh thái Thanh Tam (Tăng 57,20 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.5	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,32	0,32	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất danh lam thắng cảnh; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng
2.6	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	15,64	33,73	đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (Tăng 18,09 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	44,71	51,94	
2.7.1	Đất giao thông	41,62	45,85	(Tăng 4,23 ha theo yêu cầu quy hoạch)

2.7.2	Đất bãi rác		2,00	(Tăng 2,0 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,07	4,07	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, (Tăng 1,0 ha theo yêu cầu quy hoạch)
2.7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,02	0,02	Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông (trừ điểm bưu điện – văn hóa xã,) các công trình đầu mối phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	4,62	4,62	Đất thủy lợi; đất phi nông nghiệp khác (kho, trạm, trại...)
2.9	Đất khoáng sản			
2.10	Đất quốc phòng, an ninh		0,5	
3	Đất khác	120,71	118,71	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	113,44	112,44	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dùng, (Giảm 01ha chuyển sang đất HTKT yêu cầu quy hoạch)
3.2	Đất chưa sử dụng	7,27	6,27	Đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây (Giảm 01ha chuyển sang đất HTKT yêu cầu quy hoạch)

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông:

Giải pháp thiết kế hệ thống giao thông trên địa bàn xã Thọ Thanh như sau:

a. Giao thông đối ngoại:

- Đường QL47: Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

- Đường tỉnh: Nối từ xã Xuân phú huyện Thọ Xuân đi phía Nam sông Chu đến cầu Tổ Rồng kết nối với thị trấn Thường Xuân quy mô đường cấp V. Đoạn đi qua thôn Thanh Cao, dài 1,5 km.

+ Mặt cắt 1-1: Nền đường 7,5m. Mặt đường 5,5m.

b. Giao thông nội bộ:

1. *Đường xã* : Gồm 8 tuyến (ký hiệu X1 – X8) Tổng chiều dài 18km km, cụ thể như sau:

- X1: Là trục trung tâm xã từ QL47 – Trung tâm xã – Công viên Thanh Tam dài 3,1km

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X2: Là trục trung tâm xã từ QL47 (Đập Bái Thượng – Trung tâm xã – Thanh Long – Thị trấn Thường Xuân) dài 4,7km

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X3: (Từ thôn 2 – Thôn 1 – Thôn 3) dài 1,6km

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X4: Tuyến đê Từ thôn 2– Thôn Đông Xuân (Dự kiến là đường tránh QL47), chiều dài 1,6km

+ Mặt cắt 3-3: Nền đường 9,0m. Mặt đường 7,0m.

- X5: (Từ thôn 3 – Thôn Đông Xuân) dài 1,5km

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X6: (Từ thôn Hồng Kỳ – Thanh Long) dài 2,2km.

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X7: (Từ thôn 1 – Hồng Kỳ– Thanh Long) dài 2,2km .

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

- X8: (Từ thôn Hồng Kỳ –Thanh Cao) dài 1,7km

+ Mặt cắt 2-2: Nền đường 6,5m. Mặt đường 4,5m.

Trên tuyến dự kiến xây dựng cầu treo đi thôn Thanh Cao.

2. *Đường thôn*: Tổng chiều dài 17,5km

+ Mặt cắt 4-4: Nền đường 5,0m; mặt đường 3,5m.

3. *Đường nội đồng* (tuyến chính): Tổng chiều dài 19,7km

+ Mặt cắt 5-5: Nền đường 4,0m; mặt đường 3,0m

- Kết cấu mặt đường: Các tuyến đường sẽ được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, và được lựa chọn đối với từng dự án cụ thể.

- Diện tích đất giao thông: 45,85ha

7.2 Thủy lợi:

- Diện tích đất cho các công trình thủy lợi là 4,62 ha.

a. Hệ thống kênh tưới:

- Hệ thống thủy lợi của xã gồm 2 trạm bơm do công ty thủy nông Sông Chu quản lý . Trạm bơm đập Bái Thượng và trạm bơm Tổ Rồng đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dân sinh và sản xuất của nhân dân đạt 100%. Công tác phòng chống ứng phó thiên tai, phòng chống lụt bão được triển khai thường xuyên.

- Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý đã được kiên cố hóa là 14,9 km .

- Hệ thống kênh mương trên địa cơ bản đáp ứng được việc tưới và tiêu chủ động 100%.

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tiêu nước chủ động đạt 100%.

Trong giai đoạn tới đề nghị nguồn nước cấp phục vụ sản xuất và dân sinh từ kênh Bắc thuộc hệ thống cấp nước từ hồ Cửa Đạt, với hệ thống kênh mương hiện có sẽ được tính toán cải tạo, nâng cấp phù hợp với nguồn nước mới an toàn bền vững.

b. Hệ thống kênh tiêu:

Xây dựng kênh tiêu thoát nước chống ngập úng cho khu vực trung tâm xã từ hồ công viên Hồng Kỳ qua cống Nổ Đá qua kênh tiêu xã Xuân Dương (cống Phốc Cột)

Chiều dài kênh khoảng 1km.

Mặt cắt ngang mương sẽ được thiết kế khi có dự án đầu tư.

7.3. Quy hoạch san nền thoát nước.

a. Giải pháp san nền:

- Đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình.

- Đảm bảo kết nối giao thông đi lại thuận tiện, an toàn;

- Thuận lợi cho việc thoát nước nhanh và không gây xói lở nền đường nền công trình; Không gây ngập úng cục bộ cho các khu vực lân cận;

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp và ít tác động nhất đến cảnh quan thiên nhiên.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

b. Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.

- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra cống ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống khe, suối nhỏ hiện có rồi được thoát về các khe suối trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.

- Hệ thống thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và mương hở có kích thước từ B400-B1000.

- Một số cống đặt tại vị trí cống ngang đường sử dụng cống hộp có kích thước từ B1000 – B2000.

7.4. Quy hoạch cấp nước.

a. Dự báo nhu cầu cấp nước:

Tổng yêu cầu cấp nước sinh hoạt : 496m³/ngày/đêm

- Đến 2025: 435m³/ngày/đêm

- Đến 2030: 496m³/ngày/đêm

b. Định hướng hệ thống cấp nước.

Trên cơ sở hiện trạng, đối với Thọ Thanh sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ đập và nước ngầm, được sử lý để cấp nước cho sinh hoạt cho từng thôn và sản xuất.

Dự kiến cấp nước sinh hoạt tập trung được lấy từ nhà máy nước thị trấn Thường Xuân công suất 10.000m³/ng.d

Khu CN sản xuất VLXD, làng nghề được cấp theo dự án riêng.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước thải:

- Đầu tư xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với khu vực đất dịch vụ thương mại và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,.....

b. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường, phòng chống thiên tai.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực gom rác khu vực thôn 3 để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn và rác xử lý từ các thùng rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý rác tập trung theo quy hoạch của huyện Thường Xuân.

- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50 - 100m.

- Các hoạt động về môi trường và phòng chống thiên tai.

Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động gây suy giảm môi trường, Các hoạt động phát triển phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Các thôn đều chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường.

7.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Tổng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của toàn xã Thọ Thanh: 1.450,6KVA.

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện cấp cho xã được cấp từ đường điện trung áp 35Kv hiện có

- Lưới điện trung áp: Các tuyến điện trung áp 35KV sẽ được cải dịch một số vị trí cột qua khu trung tâm xã. Xây dựng tuyến điện trung áp 35KV mới đầu nối từ đường dây 35kv cấp điện cho trạm biến áp cải dịch phục vụ nhu cầu dân cư khu vực . đảm bảo bán kính từ trạm cấp điện đến phụ tải không quá 800m.

- *Trạm biến áp:* Tổng số 7 trạm. Phục vụ sinh hoạt. Tổng công suất 1470KVA.

STT	TÊN TRẠM BIẾN ÁP	CÔNG SUẤT HIỆN TRẠNG (KVA)	CÔNG SUẤT CAI TẠO , NÂNG CẤP (KVA)
1	Thôn 3 (trạm trung tâm)	560	560
2	Thôn 3 (cấp cho Đông Xuân)	100	100
3	Thôn 2	160	160
4	Thôn 1	100	100

5	Hồng Kỳ	200	200
6	Thanh Long	100	200
7	Thanh Cao	100	150
	Tổng CS suất	1.320	1.470

- Điện chiếu sáng: xây dựng hệ thống chiếu sáng đến các ngõ xóm, thôn.
- Điện cấp cho khu CN - làng nghề được lắp đặt tính toán do chủ đầu tư.

7.7. Quy hoạch hệ thống trạm phát sóng viễn thông:

- Trạm truy nhập vệ tinh đặt tại trung tâm xã (cung cấp các dịch vụ dịch vụ điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng).
- Trạm phát sóng thông tin di động BTS:
 - + Hiện tại trên địa bàn xã đã có 02 trạm phát sóng thông tin di động: Viettel, Vinaphone đáp ứng phủ sóng khắp trên địa bàn.
 - + Định hướng: Đến 2030 phát triển thêm các trạm dựa trên tính toán nhu cầu sử dụng của nhân dân trong xã

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án Đầu tư hoàn thành cơ bản hệ thống giao thông 2 trục đường xã X1,X2 tổng chiều dài 7,8km.
- Dự án chỉnh trang cứng hóa hệ thống trục giao thông thôn xóm.
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng
- Dự án xây dựng chuyển đổi hệ thống kênh tưới từ kênh Bắc (hồ Cửa Đặt)
- Dự án xây dựng kênh tiêu Nổ Đá.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án xây dựng Khu trung tâm văn hoá thể thao mới, sân vận động xã.
- Dự án Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy quân sự; Chợ;
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

8.3. Các dự án về sản xuất:

- Dự án Quy hoạch không gian phát triển du lịch vùng cảnh quan và sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại thôn Hồng Kỳ.

* **Nguồn vốn:** Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện, ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

9. Các nội dung khác: Thực hiện theo Báo cáo Thăm định số 245/TĐ-KTHT ngày 30/12/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Thọ Thanh có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện trong thời gian 15 ngày kể từ khi đồ án quy hoạch được phê duyệt, đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Thọ Thanh tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND huyện Thường Xuân; Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài nguyên - Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Văn Hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ; Chủ tịch UBND xã Thọ Thanh và trưởng các phòng, ban, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 3 QĐ;
- Ban Thường vụ huyện Ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND huyện (để b/c);
- Thường trực UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT, TTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Lương